

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2022/DS-ST

Ngày 28 - 9 -2022

*“V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Long.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Y Nik Ê Ban và bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N. Địa chỉ: Số 2 đường L, phường Th, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng Kh - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Cao Duy Bảo Q- Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện E, tỉnh Đắk Lắk – Phòng giao dịch E (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2022)

- Bị đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1984, ông Bùi Văn Th sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn 5, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bà L, ông Th đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Duy Bảo Quang trình bày:

Ngày 08/9/2020 bà Trương Thị L và ông Bùi Văn Th có vay Ngân hàng N thông qua Phòng giao dịch xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình theo hợp đồng tín dụng số 5202 LAV201903707, ngày 13/9/2019 và giấy nhận nợ số 5202LDS 202005331 ngày 08/9/2020. Về lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Việc cho vay không có biện pháp bảo đảm, tuy nhiên Ngân hàng N có giữ của ông Th, bà L 02 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 119305 đối với diện tích 1841,7m² thửa đất số 120, 123, 172 tờ bản đồ số 74 đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Th, bà L ngày 09/01/2019 và Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 119306 đối với diện tích đất 6291,4m² thửa đất số 164, 166, 169, 173 tờ bản đồ 74 đã được Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Th, bà L ngày 09/01/2019.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 28/02/2022 vợ chồng ông Th đã trả cho Ngân hàng: 2.300.000 đồng nợ gốc và 4.550.060 đồng tiền lãi. Tính đến ngày 11/5/2022 vợ chồng ông Th còn nợ Ngân hàng N 27.700.000 đồng tiền vay gốc và 1.462.247 đồng lãi, vì vậy ngân hàng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà L trả số nợ trên.

Quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Th đã thanh toán thêm 8.200.000 đồng nợ gốc và 1.809.379 đồng tiền lãi vào ngày 22/8/2022. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền trên, chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà L phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 19.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 08/9/2020 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi vợ chồng ông Th trả xong nợ Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên.

Tại bản tự khai ngày 08/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn ông Bùi Văn Th thừa nhận số tiền vay, số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên do kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn bà Trương Thị L không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố

tụng: Đối với nguyên đơn Ngân hàng N, bị đơn ông Bùi Văn Th đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trương Thị L đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận, buộc vợ chồng ông Th, bà L phải trả cho Ngân hàng N 20.746.000 đồng, trong đó gồm nợ gốc 19.500.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/9/2022 là 1.246.000đồng.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 8.200.000đồng nợ gốc và 1.809.379đồng tiền lãi mà vợ chồng ông Th đã trả cho Ngân hàng vào ngày 22/8/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông Bùi Văn Th bà Trương Thị L phải trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 5202LAV201903707 ngày 13/9/2019 và giấy nhận nợ số 5202LDS202005331 ngày 08/9/2020. Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn cư trú tại thôn 5, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

Bị đơn bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trương Thị L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khoản tiền vay gốc: Xét thấy bị đơn ông Bùi Văn Th và bà Trương Thị L có vay Ngân hàng N số tiền 30.000.000 đồng là có thật được chứng minh qua hợp đồng tín dụng số 5202LAV201903707 ngày 13/9/2019 và giấy nhận nợ số 5202LDS202005331 ngày 08/9/2020 cũng như lời thừa nhận của bị đơn ông Bùi Văn Th. Việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, pháp luật. Theo nội dung giấy nhận nợ hai bên ký kết thì đến ngày 07/9/2021, vợ chồng ông Th, bà L phải thanh toán cho nguyên đơn đầy đủ cả nợ gốc và lãi suất, nhưng đến nay ông Th, bà L chỉ mới trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 10.500.000 đồng và 6.359.439 đồng tiền lãi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự để buộc ông Th, bà L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc còn lại chưa trả là 19.500.000 đồng là có cơ sở.

[2.2]. Về lãi suất: Khi vay các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 10,5%/ năm, trong quá trình thực hiện hợp đồng lãi suất có điều chỉnh 01 lần từ ngày 15/7/2021 đến ngày 31/12/2021 theo mức lãi suất 9,45%/ năm. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Th, bà L, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, quy định về lãi suất trong hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

Tổng số tiền lãi tính từ ngày vay 08/9/2020 đến ngày 28/9/2022 là 7.606.171 đồng, khấu trừ số tiền đã trả 6.359.439 đồng, số tiền lãi còn lại vợ chồng ông Th còn tiếp tục phải trả cho Ngân hàng là 1.246.000 đồng đã làm tròn).

[2.3]. Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2022, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 27.700.000 đồng tiền vay gốc và một khoản tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông Bùi Văn Th đã trả cho Ngân hàng 8.200.000 đồng nợ gốc và 1.809.379 đồng tiền lãi (tổng cộng 10.009.379. đồng) và Ngân hàng đã rút yêu cầu đối với khoản tiền này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.009.379 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu 10.009.379 đồng là có căn cứ.

[2.4]. Để thực hiện việc trả nợ, Ngân hàng N tạm giữ của ông Th, bà L 02 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 119305 đối với diện tích 1841,7m² thửa đất số 120, 123, 172 tờ bản đồ số 74 và Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 119306 đối với diện tích đất 6291,4m² thửa đất số 164, 166, 169, 173 tờ bản đồ 74 đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Th, bà L ngày 09/01/2019. Việc cho vay không có biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên đối với hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Vì vậy, Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho ông Th, bà L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên là phù hợp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Cụ thể: 20.746.000 đồng x 5% = 1.037.000 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng N 729.056 đồng (Bảy trăm hai chín nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020087 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ea Kar.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244: Điều 217; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463 Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Bùi Văn Th, bà Trương Thị L phải trả cho Ngân hàng N số tiền 20.746.000 đồng (Hai mươi triệu bảy trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc 19.500.000 đồng, nợ lãi là 1.246.000 đồng tạm tính đến ngày 28/9/2022.

Kể từ ngày 29/9/2022, ông Bùi Văn Th, bà Trương Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 5202LAV201903707 ngày 13/9/2019 và giấy nhận nợ số 5202LDS202005331 ngày 08/9/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Th, bà L 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm: Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 119305 đối với diện tích 1841,7m² thửa đất số 120, 123, 172 tờ bản đồ số 74 đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Th, bà L ngày 09/01/2019 và Giấy chứng nhận QSDĐ số CP 119306 đối với diện tích đất 6291,4m² thửa đất số 164, 166, 169, 173 tờ bản đồ 74 đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp cho ông Th, bà L ngày 09/01/2019.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với số tiền 10.009.379 đồng trong đó tiền nợ gốc 8.200.000 đồng và 1.809.379 đồng tiền lãi .

3. Về án phí: Bị đơn ông Bùi Văn Th, bà Trương Thị L phải chịu 1.037.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng N 729.056 đồng (Bảy trăm hai chín nghìn không trăm năm mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0020087 ngày 13/7/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ea Kar.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- THADS huyện EaKar;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Long